

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày 09/7/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hoà và bà Phạm Thị Thơm

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân – Thư ký TAND huyện
Cư Jút.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông
Lục Văn Đông – c/v: Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 60/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vương Thanh B, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 9, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông

- Bị đơn: Bà Lăng Thị Đ, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 9, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 04/3/2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án ông Vương Thanh B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Vương Thanh B kết hôn với Bà Lăng Thị Đ ngày 05/5/2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Việc kết hôn do hai bên tự tìm hiểu, có tình yêu và tự nguyện không bị ai ép buộc gì. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn do có quan điểm sống không hợp nhau, không hiểu nhau về tính

cách nên trong cuộc sống có nhiều quan điểm khác nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn xảy ra trầm trọng cuộc sống hôn nhân không đạt được. Ông B, bà Đ đã sống ly thân được khoảng 01 năm. Nay, Ông B không còn tình cảm với bà Đ. Vì vậy, Ông B làm đơn ly hôn với bà Đ.

Về con chung: Ông B, bà Đ có 02 con chung là Vương Thu H, sinh ngày 10/7/2012 và Vương Đức H, sinh ngày 25/4/2017. Ông B có nguyện vọng nuôi 02 con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông B không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Tại bản tự khai ngày 20 tháng 03 năm 2024 bị đơn Bà Lăng Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ kết hôn với ông B ngày 05/5/2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Việc kết hôn do hai bên tự tìm hiểu và tự nguyện không bị ai ép buộc gì. Sau khi kết hôn bà Đ, ông B xảy ra mâu thuẫn do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống. Trước yêu cầu ly hôn của ông B, bà Đ yêu cầu ông B phải chia tài sản chung của vợ chồng thì bà Đ mới đồng ý ly hôn, nếu không chia tài sản bà Đ không đồng ý ly hôn với ông B.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Đ, ông B có hai con chung là cháu Vương Thu H, sinh ngày 10/7/2012; cháu Vương Đức H, sinh ngày 25/4/2017. Bà Đ tùy theo nguyện vọng của các con có nguyện vọng ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đ không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ đề nghị ông B yêu cầu giải quyết tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa, ông B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà Đ hay chửi bới ông Đ và gia đình ông Đ, có lần khi xảy ra mâu thuẫn Ban tự quản thôn và công an đến hoà giải bà Đ đã tát ông Đ trước mặt Ban hoà giải của thôn nên Ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn với bà Đ; về con chung: Ông B yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Vương Thu H, sinh ngày 10/7/2012; cháu Vương Đức H, sinh ngày 25/4/2017 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Đ thừa nhận vợ chồng có cãi vã mâu thuẫn, tuy nhiên hiện nay bà Đ vẫn còn tình cảm với ông B. Vì vậy, bà Đ không đồng ý ly hôn với ông B; Về con chung trường hợp ông B vẫn cương quyết ly hôn thì bà Đ yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Vương Thu H, sinh ngày 10/7/2012; cháu Vương Đức H, sinh ngày 25/4/2017 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và yêu cầu ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/con; về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND H1ện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy Đ của pháp luật tố tụng từ khâu thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy Đ; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy Đ của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Vương Thanh B được ly hôn với Bà Lăng Thị Đ.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 cháu Vương Thu H, sinh ngày 10/7/2012 và Vương Đức H, sinh ngày 25/4/2017, cho Ông B trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc ông Vương Thanh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Vương Thanh B khởi kiện ly hôn với Bà Lăng Thị Đ. Ông B yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung. Tại thời điểm Ông B khởi kiện bà Đ có nơi cư trú tại thôn 9, xã Đ, H1ện C, Đăk Nông, giữa các đương sự không có sự thỏa thuận về Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân H1ện Cư Jút, theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng các quy Đ của pháp luật. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để lấy lời khai; Thông báo tiếp cận, công khai, chứng cứ và hoà giải nhưng bị đơn vắng mặt; tại phiên tòa bị đơn có mặt.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vương Thanh B và bà Lăng Thị Đ kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/2010 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo quy Đ của pháp luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Vương Thanh B: Năm 2010 ông B, bà Đ kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do không hợp

nhau, không cùng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không đạt được, ông B và bà Đ đã ly thân được hơn 01 năm. Tại phiên toà bà Đ thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng bà Đ vẫn còn tình cảm với ông B. Theo biên bản xác minh ngày 09/4/2024 Ban tự quản thôn 9, xã Đăk Wil nơi ông B, bà Đ sinh sống cho biết: Vợ chồng ông B, bà Đ hay xảy ra cãi vã, mâu thuẫn, xô xát nhau Ban tự quản thôn đã đến hoà giải nhưng khi Ban tự quản thôn đến bà Đ không cần Ban tự quản thôn hoà giải và mâu thuẫn vợ chồng vẫn xảy ra. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương từ cả hai phía vợ, chồng; dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau. Ông B, bà Đ không còn tình cảm yêu thương, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy Đ:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và những căn cứ trên để chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Vương Thanh B.

[3.2] Về con chung: Ông B, bà Đ có hai con chung là cháu Vương Thu H, sinh ngày 10/7/2012 và Vương Đức H, sinh ngày 25/4/2017. Tại phiên toà, ông B có nguyện vọng được nuôi 02 con Vương Thu H, Vương Đức H đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con; bà Đ có nguyện vọng được nuôi 02 con Vương Thu H, Vương Đức H đến tuổi trưởng thành và yêu cầu ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/con. Hội đồng xét xử thấy, việc nuôi con chung vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ nên giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo con chung được nuôi dạy và phát triển trong điều kiện tốt nhất; tại phiên toà bà Đ khai hiện nay bà Đ đang làm công nhân tại tỉnh Bình Dương, thu nhập hàng tháng khoảng 12.000.000 đồng/tháng, chỗ ở không ổn Đ; Ông B khai, Ông B làm nghề nông thu nhập hàng năm khoảng hơn 100.000.000 đồng, hiện nay ông B đang sinh sống tại Thôn 9, xã Đ, H1ện C, tỉnh Đăk Nông, có nhà cửa ổn Đ, từ khi bà Đ đi làm công nhân 02 con ở với ông B từ đó cho đến nay; các cháu H, H1 đã trên 07 tuổi, tại biên bản lấy lời khai cháu H, cháu H1 ngày 20/3/2024 các cháu đều có nguyện vọng được ở với Ông B. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung cháu Vương Thu H, sinh ngày 10/7/2012 và Vương Đức H, sinh ngày 25/4/2017 cho ông Vương Thanh B nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), Ông B phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vương Thanh B được ly hôn Bà Lăng Thị Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Vương Thu H, sinh ngày 10/7/2012 và Vương Đức H, sinh ngày 25/4/2017 cho ông B trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn Ông B, bà Đ có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc ông Vương Thanh B phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo

biên lai số 0000322, ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết Đ được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND Huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS Huyện Cư Jút;
- UBND Đăk Wil;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nông Thị Hương